

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MỸ TÚ  
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Bản án số: 40/2024/DS-ST

Ngày: 22 - 7 - 2024.

V/v Tranh chấp đòi nợ hụi.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đào Thị Kiều Oanh.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lý Thanh Chiếu;

Ông Sơn Thanh Bình.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Thanh Quốc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2024 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2024/TLST-DS ngày 10 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp đòi nợ hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 132/2024/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ D; Cư trú tại: Ấp Mỹ T, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T.

+ *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Bà Lê Thị N; Cư trú tại: Số 7, Khu V, Phường Thuận A, thị xã Long M, tỉnh Hậu G - Theo Giấy ủy quyền ngày 03 tháng 5 năm 2024 (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị T; Cư trú tại: Ấp Mỹ A, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn C (C); Cư trú tại: Ấp Mỹ A, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T (có mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 3 năm 2024 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Thị N trình bày:

Vào năm 2019, năm 2020 và năm 2021 bà D có làm chủ hội đứng ra kêu hội có bà Trần Thị T (tên trong giấy hội là T - 5 C) tham gia chơi hội, trong đó bà T tham gia 07 dây hội, cụ thể:

Dây hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 05 tháng 10 năm 2020 (dương lịch) có 36 phần hội, bà T tham gia 01 phần hội.

Dây hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 10 tháng 9 năm 2019 (dương lịch) có 37 phần hội, bà T tham gia 01 phần hội.

Dây hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 10 tháng 02 năm 2021 (dương lịch) có 38 phần hội, bà T tham gia 01 phần hội.

Dây hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 15 tháng 4 năm 2020 (dương lịch) có 40 phần hội, bà T tham gia 01 phần hội.

Dây hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 20 tháng 5 năm 2019 (dương lịch) có 36 phần hội, bà T tham gia 01 phần hội.

Dây hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 20 tháng 7 năm 2020 (dương lịch) có 40 phần hội, bà T tham gia 01 phần hội.

Dây hội tháng 1.000.000 đồng mở ngày 30 tháng 01 năm 2020 (dương lịch) có 37 phần hội, bà T tham gia 01 phần hội.

Hiện tại các dây hội đã mãn, do hội mãn nên giữa bà D và bà T có chót lại số tiền hội còn nợ vào ngày 10/5/2022 dương lịch là bà T có ký tên thừa nhận còn nợ bà D số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng). Số tiền nợ hội bà T còn nợ bà D thì chồng bà T là ông Nguyễn Văn C cũng biết vì mỗi lần đóng hội thì đều do ông C đóng, ông C không ký nhận nợ mà do vợ là bà T ký nhận nợ, hiện nay ông C cũng thừa nhận số nợ trên.

Bà Nguyễn Thị Mỹ D yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà Trần Thị T và ông Nguyễn Văn C phải thực nghĩa vụ trả tiền nợ hội cho bà D số tiền 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

*Tại biên bản hòa giải ngày 02 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa bị đơn bà Trần Thị T trình bày:*

Bà Trần Thị T thừa nhận ngày 10/5/2022 dương lịch bà Trần Thị T có ký tên nhận nợ bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền hội là: 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng), bà D là chủ hội còn bà T là hội viên, ông C (C) biết số tiền nợ 190.000.000 đồng vì ông C là người đóng hội, ông C (C) không có ký nhận nợ, nhưng ông C (C) cũng thừa nhận còn thiếu số nợ trên.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà D thì bà Tiến đồng ý trả số tiền hội còn nợ là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng), bà Tiến yêu cầu được trả mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Hiện nay hoàn cảnh khó khăn không trả một lần cho bà D được.

*Tại biên bản hòa giải ngày 02 tháng 7 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C (C) trình bày:*

Ông Nguyễn Văn C (C) thừa nhận số tiền hui còn nợ của ông C (C) và bà T với bà D là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng), ông C (C) thống nhất với lời trình bày của bà T yêu cầu được trả mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Hiện nay hoàn cảnh khó khăn không trả một lần cho bà D được.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Việc Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền. Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa hôm nay đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn có hợp đồng góp hui, nguyên đơn cung cấp chứng cứ bị đơn có ký nhận còn nợ tiền hui của nguyên đơn là 190.000.000 đồng nhưng bị đơn không thanh toán tiền nợ hui cho nguyên đơn, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả tiền nợ hui là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C (C) có nghĩa vụ liên đới thanh toán tiền nợ hui cho nguyên đơn là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử nhận thấy, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả tiền nợ hui. Trong quá trình góp hui bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng như thỏa thuận, nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả số tiền nợ hui. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp đòi nợ hui chứ không phải tranh chấp hợp đồng góp hui như Tòa án xác định theo đơn khởi kiện của nguyên đơn khi thụ lý vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp cho phù hợp với nội dung tranh chấp.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp đòi nợ hui theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cư trú ấp Mỹ A, xã Mỹ T, huyện Mỹ T, tỉnh Sóc T, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Bị đơn thừa nhận có nợ tiền hui của nguyên đơn và nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án Giấy xác nhận bị đơn nợ tiền hui. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[4] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả số tiền nợ hui, Hội đồng xét xử

nhận thấy: Bị đơn nợ tiền hui của nguyên đơn là 190.000.000 đồng, bị đơn có ký tên nhận nợ tiền hui cho nguyên đơn nhưng bị đơn không thực hiện trả tiền nợ hui cho nguyên đơn. Cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả số tiền nợ hui là có căn cứ. Từ những phân tích trên có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Tại phiên tòa bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi dứt nợ tiền hui, hiện nay hoàn cảnh gia đình khó khăn, không có khả năng trả một lần cho nguyên đơn được. Tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý, nên Hội đồng xét xử không có căn cứ chấp nhận theo yêu cầu của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[6] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải chịu phí dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên, do bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thuộc trường hợp người cao tuổi nên bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Khoản 2 Điều 26 và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D. Buộc bị đơn bà Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn C (C) có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Mỹ D số tiền hui còn nợ là: 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng).

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thanh toán, thì hàng tháng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn phải trả lãi cho nguyên đơn theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm;
- Bị đơn bà Trần Thị T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn C (C) được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 9.500.000 đồng (Chín triệu, năm trăm nghìn đồng);

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Đào Thị Kiều Oanh**